

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Đoi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 509/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà 109/01 đường NVL, Phường A, Quận B, Thành phố HCM.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Quốc T; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
2. Chị Lê Ngọc G; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
3. Chị Lê Mộng U; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
4. Bà Trương Thị H; nơi cư trú: Ấp TTB, xã Tạ An KĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
5. Chị Lê Kim P; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
6. Chị Lê Kim D; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
7. Anh Lê Thành Đ; nơi cư trú: Ấp TTB, xã Tạ An KĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

8. Anh Lê Quốc B; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
9. Anh Lê Quốc L; nơi cư trú: Ấp TTB, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
10. Chị Đỗ Thị N; nơi cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
11. Anh Trần Vũ K; nơi cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
12. Chị Trần Như B; nơi cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
13. Anh Trần Văn L; nơi cư trú: Ấp XM, xã Tạ AKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
14. Anh Trần Văn X; nơi cư trú: Ấp XM, xã Tạ An KĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
15. Anh Trần Vũ L; nơi cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
16. Cháu Trần Hồng H; nơi cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của cháu H: Anh Trần Vũ K và chị Đỗ Thị N; Cùng cư trú: Ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, ông B có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2020 ông Trần Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà L chung sống với nhau từ năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 1983 thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ông bà đã ly thân từ năm 1990. Đến năm 2003 ông sống chung với người phụ nữ khác và hiện tại đã có một người con chung. Nay ông B yêu cầu ly hôn bà L.

Về con chung: Ông bà có 05 con chung tên Trần Vũ K, Trần Vũ L, Trần Văn L, Trần Văn X và Trần Như B. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà có một phần đất nuôi trồng thủy sản, diện tích 17.000m² tại ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn, ông yêu cầu phân chia mỗi người được hưởng 1/2. Nguồn gốc đất là do cha mẹ ông cho vợ chồng ông, do ông đứng tên quyền sử dụng.

Về nợ chung: Ông bà có nợ ông Lê Văn C 30 gia lúa.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2020 bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà xác định vợ chồng chung sống năm 1976 nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã TAKĐ, huyện NH, tỉnh Minh Hải (nay là huyện ĐD, tỉnh Cà Mau). Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay bà đồng ý ly hôn ông B.

Về con chung: Có 05 con chung như ông B trình bày là đúng. Các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà có một phần đất đúng như lời trình bày của ông B như bà không đồng ý phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$. Bà yêu hưởng toàn bộ để sau này phân chia cho các con.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có nợ của ông Lê Văn C 50 gia lúa, tuy nhiên đã trả được 20 gia lúa, còn nợ lại 30 gia lúa.

Tại đơn yêu cầu ngày 20/8/2020 bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà yêu cầu ông B bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi năm người con từ khi ông B bỏ nhà đi theo quy định của Nhà nước.

Tại đơn ngày 12/9/2020 bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà không đồng ý ly hôn với ông B.

Tại phiên tòa, ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà L. Về tài sản chung: Phần đất diện tích 15.960,6m² tọa lạc ấp XM, xã Tạ AKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc của cha mẹ ông cho vào năm 1979. Ông đồng ý nhận phần đất diện tích 5.000m². Về nợ: Không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông B, cho ông B được ly hôn bà L. Về cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con của bà L. Về tài sản chung: Giao cho bà L được hưởng phần đất diện tích 15.960,6m² tọa lạc ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Bà L có trách nhiệm giao cho ông B giá trị phần đất 5.000m². Về nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông B không phải chịu, bà L phải chịu theo quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông B, bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị L, anh Lê Quốc T, chị Lê Ngọc G, chị Lê Mộng U, bà Trương Thị H, chị Lê Kim P, chị Lê Kim D, anh Lê Thành Đ, anh Lê Quốc B và anh Lê Quốc L, cháu Trần Hồng N, chị Đỗ Thị N, chị Trần Như B, anh Trần Văn L, anh Trần Văn X, anh Trần Vũ L và anh Trần Vũ K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Ông B và bà L chung sống với nhau vào năm 1976 trên tinh thần tự nguyện, theo ông B cho rằng không có đăng ký kết hôn, còn bà L cho rằng có đăng ký kết hôn. Xét thấy: Theo khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC, VKSNDTC, BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Theo quy định tại điểm a khoản 3

Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Cần chú ý là trong trường hợp sau khi quan hệ vợ chồng đã được xác lập họ mới thực hiện việc đăng ký kết hôn, thì quan hệ vợ chồng của họ vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng), chứ không phải là chỉ được công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn.”. Theo điều luật viện dẫn trên quan hệ giữa ông B và bà L vẫn được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn thấy rằng: Ông bà đã không còn chung sống đến nay đã trên hai mươi năm, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và thực tế ông B cũng đã có gia đình riêng và cương quyết ly hôn bà L. Xét mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho ông B được ly hôn bà L.

[3] Về con chung: Các con của ông bà đã trưởng thành và ông bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông B bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi năm người con, thấy rằng: Bà L và ông B đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con và thực tế bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, mặc dù ông B không trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng ông đã giao toàn bộ phần đất ông đứng tên cho bà L quản lý, sử dụng để tạo thu nhập lo cho các con đến tuổi trưởng thành, hiện tại các con của ông bà đã trưởng thành và đều có khả năng tự lao động để kiếm sống. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên của bà L.

[4] Về tài sản chung: Phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 15.960,6m² tọa lạc ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau mặc dù đứng tên ông Nguyễn Văn B nhưng ông B thừa nhận được cha mẹ ông cho vào khoảng năm 1979 và ông bà đã xây nhà và sinh sống trên phần đất nên có đủ cơ sở xác định phần đất trên là tài sản chung của ông B và bà L. Tại phiên tòa, ông B đồng ý nhận phần đất 5.000m². Xét thấy: Ông B và bà L đều thống nhất xác định phần đất có nguồn gốc của cha mẹ ông B cho, bà L là người trực tiếp gìn giữ, canh tác phần đất từ khi ông bà ly thân đến nay, khi ông B bỏ nhà đi các con của ông bà đều còn nhỏ bà L phải một mình chăm lo cho các con đến tuổi trưởng thành, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là có lỗi của ông B. Mặt khác, hiện tại ông B đã có gia đình riêng đang sinh sống tại Thành phố HCM nên ông không có đủ điều kiện trực tiếp canh tác đất. phần đất tranh chấp là đất nuôi trồng thủy sản nếu giao cho ông B được hưởng 5.000m² sẽ không hiệu quả bằng việc giao bà L được tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho bà L được hưởng nhiều hơn ông B và giao cho bà L được hưởng toàn bộ phần đất, bà L có trách nhiệm giao cho ông B giá trị phần

đất 5.000m², cụ thể tương đương số tiền: 5.000m² x 45.000đ/m² = 225.000.000đ (theo biên bản định giá tài sản ngày 18/8/2020) là phù hợp.

[5] Trên phần đất tranh chấp có hai căn nhà (01 căn nhà của anh K, chị N và 01 căn nhà của bà L) và một số ản trái và cây tạp tại địa phương: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết liên quan đến các tài sản trên. Ông B, bà L thống nhất trường hợp Tòa án giao đất cho ông bà, ông bà không yêu cầu anh K, chị N di dời nhà và trả lại phần đất đang sử dụng diện tích 3.443,2m² nên anh K, chị N được tiếp tục sử dụng phần đất trên. Trường hợp sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về nợ: Ông bà có nợ của ông C 30 gĩa lúa nhưng xét thấy hàng thừa kế của ông C không yêu cầu ông bà trả số nợ trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông B không phải chịu do có yêu cầu được miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông B không phải chịu do có yêu cầu được miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật do không có đơn yêu cầu miễn án phí.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông B phải chịu 7.000.000đ, bà L phải chịu 14.677.000đ. Ông B đã nộp tạm ứng chi phí số tiền 21.677.000đ (hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) nên bà L có trách nhiệm hoàn trả cho ông B số tiền 14.677.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 53, Điều 56, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Văn B, cho ông Trần Văn B được ly hôn bà Huỳnh Thị L.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu ông Trần Văn B bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi năm người con theo quy định của Nhà nước.

3. Về tài sản chung:

- Bà Huỳnh Thị L được hưởng phần đất diện tích 15.960,6m² tọa lạc ấp XM, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Có tứ cận: Hướng đông giáp đất bà Trần Bích C; hướng Tây giáp đất ông Mai Văn Đ, ông Mai Văn Đi và ông Huỳnh Văn B; hướng Nam giáp đất bà Trần Bích C; hướng Bắc giáp lộ xi măng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐD thu hồi phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 15.960,6m² tọa lạc ấp XM, xã Tạ An KĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân huyện ĐD cấp cho ông Trần Văn B tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 04 để cấp lại cho bà Huỳnh Thị L.

- Buộc bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm giao cho ông Trần Văn B số tiền 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng)

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn B không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trần Văn B không phải chịu. Bà Huỳnh Thị L phải chịu 23.729.080đ (hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm tám mươi đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trần Văn B phải chịu 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Bà Huỳnh Thị L phải chịu 14.677.000đ (mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Ông B đã nộp tạm ứng chi phí số tiền 21.677.000đ (hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Buộc bà L có trách nhiệm hoàn trả cho ông B số tiền 14.677.000đ (mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày ông Trần Văn B có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 225.000.000đ và chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Nếu bà Huỳnh Thị L chậm thi hành đối với các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương Đông;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng